

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THAONHI CARE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THAONHI CARE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502532194

**3. Ngày thành lập:** 08/11/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

108 Tôn Thất Tùng, Khu phố Vạn Hạnh, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0363833879

Fax:

Email: [dichvuvesinhthaonhicare@gmail.com](mailto:dichvuvesinhthaonhicare@gmail.com) Website: [l.com](http://l.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt<br>Chi Tiết: - Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống; - Vệ sinh bể bơi hoặc bảo dưỡng; Vệ sinh máy móc công nghiệp; - Vệ sinh tàu hỏa, xe buýt, máy bay ...; - Vệ sinh đường xá; - Dịch vụ tẩy uế và diệt côn trùng; - Quét đường và cào tuyết; - Dịch vụ vệ sinh khu nhà và các công trình khác chưa được phân vào đâu. | 8129(Chính) |
| 2.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3320        |
| 3.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4299        |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4322        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4329        |
| 7.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4330        |
| 8.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4390        |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4649        |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4659        |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4663        |
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4669        |
| 13. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Kinh doanh hóa chất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4773        |
| 14. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp<br>Chi tiết: Dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn, chống mối mọt (kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)<br>8110                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8110        |
| 15. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8121        |
| 16. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8130        |
| 17. | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9620        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.300.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG MINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 26/01/1999 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075099004410

Ngày cấp: 19/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật  
Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Bàu Trâm, Xã Bàu Trâm, Thành phố Long khánh, Tỉnh Đồng  
Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 108 Tôn Thất Tùng, Khu phố Vạn Hạnh, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú  
Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/01/1999 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075099004410

Ngày cấp: 19/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật  
Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Bàu Trâm, Xã Bàu Trâm, Thành phố Long khánh, Tỉnh Đồng  
Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 108 Tôn Thất Tùng, Khu phố Vạn Hạnh, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú  
Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu